

Số: 86 /2009/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xây dựng đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn nội dung, trình tự xây dựng Đề án khuyến nông, khuyến ngư theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (sau đây gọi là Đề án).

Điều 2. Đối tượng xây dựng Đề án

Đối tượng xây dựng Đề án khuyến nông, khuyến ngư theo thông tư này là 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ (các huyện nghèo được xác định tại phụ lục I ban hành kèm theo công văn số 705/TTg-KGVX ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Điều 3. Nội dung của Đề án

Đề án khuyến nông, khuyến ngư đảm bảo các nội dung sau:

1. Đánh giá, phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; thực trạng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; hệ thống tổ chức và các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn; những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

2. Mục tiêu của việc xây dựng Đề án:

a) Mục tiêu chung:

Trên cơ sở mục tiêu chung của Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, xác định mục tiêu Đề án khuyến nông - khuyến ngư cần đạt được đến năm 2020 để góp phần thực hiện mục tiêu chung của Nghị quyết.

b) Mục tiêu cụ thể:

Các mục tiêu cụ thể đối với công tác khuyến nông ở các huyện nghèo là:

Tăng cường hệ thống khuyến nông, khuyến ngư cho các huyện nghèo để triển khai các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư tại địa phương.

Hỗ trợ cho các huyện nghèo triển khai các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tăng thu nhập, giảm nghèo nhanh và bền vững cho nông dân.

Góp phần nâng cao trình độ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho nông dân ở các huyện nghèo.

3. Xây dựng, tăng cường hệ thống tổ chức khuyến nông, khuyến ngư:

a) Cấp huyện:

Bổ sung cán bộ, tăng cường năng lực, cơ sở vật chất kỹ thuật và các trang thiết bị làm việc cần thiết cho trạm khuyến nông các huyện nghèo để trạm khuyến nông huyện có đủ năng lực triển khai các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho bà con nông dân, thúc đẩy phát triển sản xuất trên địa bàn.

b) Cấp xã:

Bố trí mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 cán bộ khuyến nông xã theo quy định tại Nghị định 56/2005/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư. Cán bộ khuyến nông xã được hưởng lương theo trình độ đào tạo và các chế độ hiện hành, chi từ nguồn ngân sách địa phương.

c) Cấp thôn, bản:

Bố trí mỗi thôn, bản có 01 khuyến nông viên thôn bản. Khuyến nông viên thôn bản được hưởng phụ cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Kinh phí trả phụ cấp cho hệ thống khuyến nông viên thôn, bản ở các huyện nghèo, tăng cường năng lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị làm việc phục vụ công tác khuyến nông, khuyến ngư được bố trí từ kinh phí Chương trình thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

4. Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp ở các huyện nghèo:

a) Các căn cứ để xây dựng các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Đề án khuyến nông, khuyến ngư cho các huyện nghèo giai đoạn 2010-2020:

Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu hỗ trợ cho công tác khuyến nông, khuyến ngư để phát triển sản xuất của các hộ nông dân trong huyện.

Căn cứ vào các định mức kinh tế - kỹ thuật và chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho công tác khuyến nông, khuyến ngư.

Các dự án khuyến nông, khuyến ngư áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Trường hợp các dự án chưa có định mức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì áp dụng các định mức của địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Nếu ở địa phương chưa có định mức thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh xây dựng định mức tạm thời và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

b) Các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư:

Bao gồm các nội dung: Xây dựng mô hình trình diễn; Tập huấn, đào tạo; Thông tin tuyên truyền.

Nội dung và dự toán chi tiết các dự án khuyến nông, khuyến ngư được xây dựng theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo Đề án để thẩm định.

c) Thời gian thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư: từ 1 đến 3 năm, tùy theo tính chất và quy mô của từng dự án.

5. Tổ chức thực hiện:

Hệ thống khuyến nông, khuyến ngư ở các huyện nghèo (bao gồm: trạm khuyến nông huyện, khuyến nông viên xã, thôn bản) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án khuyến nông, khuyến ngư.

Ủy ban nhân dân huyện là chủ đầu tư, chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu quả của Đề án khuyến nông, khuyến ngư.

Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn các huyện nghèo triển khai thực hiện Đề án khuyến nông, khuyến ngư.

Điều 4. Các chính sách hỗ trợ để thực hiện Đề án

1. Kinh phí:

Kinh phí để thực hiện Đề án khuyến nông, khuyến ngư ở các huyện nghèo được bố trí cao gấp 2 lần so với mức bình quân chung của các huyện khác trong tỉnh. Việc bố trí vốn thực hiện theo Thông tư liên tịch số 10/2009/TTLT-BKH-BTC ngày 30/10/2009 liên tịch Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc quy định lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

2. Định mức hỗ trợ:

a) Xây dựng mô hình trình diễn: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí về giống, vật tư cho xây dựng các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

b) Tập huấn, đào tạo: Người dân tham gia đào tạo, huấn luyện được cấp tài liệu, hỗ trợ 100% chi phí cho tập huấn, tiền ăn ở, đi lại và 10.000đ/ngày/người.

c) Thông tin tuyên truyền:

Hỗ trợ mỗi huyện tối đa 100 triệu đồng/năm để tổ chức các hội chợ xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản và thông tin thị trường cho nông dân theo quy định tại Điểm 6, Khoản a, Phần II của Nghị quyết 30a.

Hỗ trợ cho cán bộ khuyến nông huyện, xã, thôn, bản Tờ tin Khuyến nông - Khuyến ngư Việt Nam.

Cấp miễn phí ấn phẩm khuyến nông các loại, như: tờ rơi, tờ gấp, băng đĩa hình bằng 2 thứ tiếng: Kinh và tiếng dân tộc phổ biến của địa phương cho nông dân, người sản xuất ở các huyện nghèo.

Đối với Tờ tin Khuyến nông - Khuyến ngư Việt Nam và các ấn phẩm khuyến nông do Trung ương biên soạn và phát hành, hằng năm các huyện nghèo đăng ký nhu cầu với Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quốc gia (Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn để được hỗ trợ. Đối với các ấn phẩm khuyến nông do các cơ quan địa phương biên soạn và phát hành, các huyện nghèo đặt hàng với các đơn vị cung cấp và đề nghị ngân sách địa phương hỗ trợ.

d) Tư vấn, dịch vụ:

Nông dân, người sản xuất ở các huyện nghèo được cán bộ khuyến nông các cấp tư vấn miễn phí trong mọi lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Các tổ chức cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp được chính quyền địa phương ưu tiên trong thuê đất để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chính sách khi vay vốn và được hưởng các chính sách ưu đãi khác theo quy định.

Điều 5. Trình tự xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án

1. Căn cứ Thông tư hướng dẫn này và các chính sách hiện hành của Nhà nước, Ủy ban nhân dân các huyện nghèo xây dựng Đề án khuyến nông, khuyến ngư giai đoạn 2010- 2020, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Căn cứ Đề án được duyệt, hằng năm Ủy ban nhân dân các huyện nghèo tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Đề án.

3. Cơ chế quản lý, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo Thông tư số 199/2009/TT-BTC ngày 13/10/2009 của Bộ Tài chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện thuộc đối tượng được nêu trong Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện Đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

2. Ủy ban nhân dân các huyện nghèo căn cứ hướng dẫn và các quy định hiện hành của Nhà nước để xây dựng Đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quốc gia) và các Bộ, Ngành theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan, các huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện và kết quả, hiệu quả của Đề án.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND, Sở NN & PTNT các tỉnh thuộc đối tượng của NQ 30a;
- UBND các huyện thuộc đối tượng của NQ 30a;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN và PTNT;
- Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan thuộc Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Bá Bồng

PHỤ LỤC : MẪU ĐỀ ÁN KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2009/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

UBND TỈNH.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

UBND HUYỆN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ
Thuộc Đề án khuyến nông, khuyến ngư thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo

Tên dự án:

Thời gian thực hiện:

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Đặc điểm tình hình (ghi rõ điều kiện tự nhiên, cơ sở vật chất, điều kiện kinh tế xã hội và những khó khăn cần tháo gỡ,...)
2. Sự cần thiết xây dựng dự án.
3. Cơ sở xây dựng dự án
 - a. Căn cứ pháp lý
 - b. Cơ sở khoa học
 - c. Khả năng tiếp nhận và thực hiện.
4. Điều kiện các nông dân tham gia:
 - Tự nguyện tham gia.
 - Cam kết thực hiện đúng các quy định, quy trình sản xuất của nhà nước.
 - Có điều kiện về sản xuất như đất đai, lao động, trang thiết bị phù hợp để tiếp nhận TBKT mới

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát (Ghi rõ mục tiêu dài hạn)
2. Mục tiêu cụ thể của dự án (Mục tiêu ngắn hạn cho từng giai đoạn, từng năm theo từng đối tượng cụ thể)
3. Các chỉ tiêu của dự án (Ghi rõ các chỉ tiêu cần đạt được từng đối tượng của dự án)
 - Chỉ tiêu kỹ thuật.

- Chỉ tiêu kinh tế
- Chỉ tiêu xã hội, môi trường.

III. QUY MÔ, ĐỊA BÀN VÀ THỜI GIAN TRIỂN KHAI

Số TT	Địa điểm triển khai (chi tiết theo thôn, xã, huyện)	Quy mô (con/ha, ...)	Số hộ tham gia	Thời gian triển khai
1				
2				
3				
Tổng cộng				

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Đối với dự án Xây dựng mô hình

- a. Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư
 - Tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ
 - Các loại vật tư, thiết bị cần thiết hỗ trợ (tên, chủng loại, thông số kỹ thuật, số lượng hỗ trợ, ...)
 - Quy trình kỹ thuật áp dụng
- b. Tổ chức tập huấn cho người tham gia XDMH
 - Số người được tham gia tập huấn
 - Thời gian tập huấn, số lần tập huấn: (theo Quyết định quy định về định mức hỗ trợ)
 - Nội dung tập huấn (theo quy trình kỹ thuật)
- c. Hoạt động tham quan, hội thảo đầu bờ
 - o Đối tượng tham gia
 - o Nội dung:
 - o Thời gian:
 - o Địa điểm:
- d. Thông tin tuyên truyền: các hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến tiến bộ kỹ thuật mới để nhân rộng mô hình
- e. Thuê cán bộ chỉ đạo: số người, yêu cầu về trình độ, thời gian, quá trình chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ tham gia.
- f. Tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả mô hình
- g. Kiểm tra, nghiệm thu

2

2. Đối với dự án tập huấn, huấn luyện

- a. Nội dung tập huấn: kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, ...
- b. Đối tượng (cán bộ, nông dân), Số người tham gia/ 1 lớp
- c. Số lớp:
- d. Thời gian, thời lượng
- e. Khung chương trình: căn cứ tài liệu của cơ quan, tổ chức nào, ai xây dựng tài liệu tập huấn
- f. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, dụng cụ vật tư thực hành, ...
- g. Giảng viên: năng lực, trình độ, kinh nghiệm, ...
- h. Địa điểm: có phòng học và địa điểm thực hành phù hợp

3. Đối với dự án Thông tin tuyên truyền

- a. Nội dung: In ấn, biên soạn và phát hành tài liệu, tổ chức hội thi, hội chợ, hội thảo quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông lâm thủy sản của các địa phương, thông tin thị trường cho nông dân, hỗ trợ báo cho cán bộ khuyến nông, thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình huyện, xã, ...
- b. Hình thức, quy mô
- c. Đối tượng tham gia
- d. Thời gian, thời lượng
- e. Địa điểm

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đối với dự án Xây dựng mô hình

- a. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: năng suất, sản lượng, tỷ lệ sống, ... đạt được, so sánh với sản xuất đại trà.
- b. Hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường: doanh thu, lợi nhuận, thu nhập, tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, ...

2. Đối với dự án tập huấn, huấn luyện

- a. Các chỉ tiêu: số người được tập huấn, tỷ lệ học viên đạt loại khá, giỏi, các TBKT chuyển giao, ...
- b. Hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường: khả năng áp dụng vào sản xuất, tạo công ăn việc làm, nâng cao trình độ sản xuất cho nông dân.

3. Đối với dự án Thông tin tuyên truyền

- a. Các chỉ tiêu: số ấn phẩm biên soạn, phát hành, số TBKT được phổ biến cho nông dân, ...
- b. Hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường: nâng cao trình độ sản xuất, dân trí, ...

VI. KINH PHÍ

Tổng kinh phí của dự án:

Trong đó chia ra các năm:

Đơn vị tính: 1.000 đ

Số TT	Hoạt động	ĐV Tính	Tổng KP hỗ trợ		Năm 2010		Năm 2011		Năm	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1										
2										
	Tổng cộng									

Dự toán chi tiết:

T T	Hạng mục	Đ V T	Tổng dự toán			Chia ra các năm					
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Năm 2010		Năm 2011		Năm 200..	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
I/ Vật tư hỗ trợ											
1	Giống										
2	Thiết bị										
3	Phân bón										
II/ Triển khai											
1	Tập huấn										
	Tài liệu										
	Giảng viên										
	Hội trường										
										
2	Tham quan hội thảo										
	Tài liệu										

	Thuê xe										
										
3	Tổng kết										
	Tài liệu										
	Hội trường										
										
III/ Thông tin tuyên truyền											
	Tuyên truyền, phổ biến										
										
IV/ Cán bộ chỉ đạo											
	Số người X số tháng										
V/ Quản lý, kiểm tra											
	Thuê xe										
Tổng cộng											

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đơn vị quản lý
- Đơn vị thực hiện
- Phân công nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, trách nhiệm các bên liên đới
- Chế độ báo cáo, theo dõi, kiểm tra giám sát, đánh giá.
- Nghiệm thu, kết thúc dự án

(Trình bày rõ trình tự thực hiện dự án theo các hoạt động, chia ra từng giai đoạn, từng thời kỳ để theo dõi, chỉ đạo, quản lý)

Người lập

Ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng đơn vị